

11:25 B8-R1-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.22 Board 1

WHITE						FED		RESULT (W)			
Wang shenglin						CHN		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Koravijotin Archawin						THA		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	+4		41	Rh4	Rd7	61		
2	Nf3	Nc6	22	+3	Bh5	42	Re4	Re7	62		
3	Bc4	Bc5	23	Rd1	Qc8	43	198	Rd7	63		
4	c3	Nb6	24	Rd1	Nb3	44	h5	g4	64		
5	d4	ed	25	Rd2	Rd6	45	g4	1d2	65		
6	e5	d5	26	Nd2	Qa2	46	h5	1d3	66		
7	Bb5	Ne4	27	Qc6	Qc6	47	Re1	Ra7	67		
8	cd	Rb4	28	Nc5	Qc3	48	h4	h4	68		
9	Bd2	Bd2	29	Qf5	h4	49	Rd1	e6	69		
10	Nbd2	Bf5	30	Qc6	Bf3	50	h3	193	70		
11	Rc1	Rf3	31	h4	Re4	51	1d3	Rd7	71		
12	Nb3	Rd7	32	Nd2	de	52	Rd3	1ch2	72		
13	Bd3	B94	33	Nd7	f3	53	1c8	d5	73		
14	h3	Bh5	34	Nf8	Rd8	54	Re3	b5	74		
15	Bb5	O-O	35	Qa4	1d8	55	d6	Rb5	75		
16	g4	B96	36			56	Rh7	1d8	76		
17	Bc6	bc	37	Qc2	Qf5	57	e7	1c8	77		
18	h4	f5	38	Rf5	Re2	58	12h8	1d7	78		
19	g5	Rb6	39	f2	1d1	59	Qc2		79		
20	Qe8	NH	40	Rh4	Re7	60			80		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Wang shenglin

W. Winter

W. Winter

11:25 B8-R1-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Board 1

WHITE						FED		RESULT (W)			
Wang Chenlin						CHN		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Archawin Koravijotin								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf3	F4	41	Rxc3	F2+	61		
2	Nf3	Nc6	22	F3	Bh5	42	Rxc3	Rxh4	62		
3	Bc4	Bc5	23	Rb1	Qc8	43	Rxc3	Rxc5	63		
4	c6	Nf6	24	Rd1	N96	44	Rxc3	R91	64		
5	d4	exd5	25	Nf3	Qa6	45	Rxc3	a5	65		
6	e5	d5	26	Nf2	Qxh2	46	bxa3	bxa3	66		
7	bb5	Ne5	27	Qc1	Qa6	47	Kxf2	a5	67		
8	Cxd5	bb4+	28	Nc5	Qc1	48	Kf3	R96	68		
9	be2	Bxe2+	29	Qc3	Qf5	49	Rxh2	h5	69		
10	Nbxh2	Bf4	30	Na5	Rb8	50	G4	Rd1	70		
11	Rc1	Rb8	31	Qx6	Bxf3	51	d3	L6	71		
12	Nb3	Re7	32	Nc5	Bz4	52	Kb9	Kf8	72		
13	Bc3	B94	33	Nxe4	Qxe5	53	Rd2	Rd3+	73		
14	h6	Bh5	34	Nd7	Fx3	54	Kh2	Ke1	74		
15	bb5	O-O	35	Nxf8	Rxf8	55	D5	Re3	75		
16	B5	B63	36	Qf4+	Kh8	56	Qf5	Qf5	76		
17	Qf5	bxc6	37	Qc2	e3	57			77		
18	h5	F5	38	Qx7	Rxf4	58			78		
19	b4	Rb6	39	Rf2	Ne5	59			79		
20	Nfe2	Qe8	40	Ra3	Rf4	60			80		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Wang shenglin

W. Winter

W. Winter

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 9/22/24 Board 1

WHITE			BLACK			FED			RESULT (W)		
TU. Shi 9			a1 L 5 + 4 5 Shi N			MGL			1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ne4	Qg6	41	Qd5	Qd4	61		
2	c4	g6	22	Qxb3	Nf5	42	Rf1	Nf4	62		
3	Nc3	g5	23	Qd2	Qxg4	43	Rxg4	Rxg4	63		
4	Cxg5	Lxg5	24	Lxg4	Rxg4	44	Rxg4	Rxg4	64		
5	Bg1	Bf7	25	Nf3	Nf3	45	Kxg4	Kxg4	65		
6	L3	O-O	26	Bd1	Rd8	46	Rd1	Rd8	66		
7	Bd3	Nd7	27	Qd3	Qd6	47	Rd8	Rd8	67		
8	Qc2	h6	28	Qd4	Qd5	48	Kxg4	Rd1	68		
9	Bh4	g6	29	Kh1	Qd6	49	Rd1	Rd1	69		
10	NA3	Bb7	30	A3	Qd6	50	Nf4	Rd1	70		
11	O-O	Rc8	31	Rd6	Qd6	51			71		
12	h3	Nf4	32	Rd6	Qd6	52			72		
13	Bxg4	dxc4	33	Nf4	Qd6	53			73		
14	Bxg4	Qxg4	34	63	Qd6	54			74		
15	Nf4	Bd6	35	Qd6	Nf3	55			75		
16	Rd1	Bd6	36	Rd1	Rd6	56			76		
17	Qd1	Rd6	37	Qd1	Nf4	57			77		
18	Nd5	Qd6	38	Qd1	Rd6	58			78		
19	NA4	C5	39	Rd1	Qd6	59			79		
20	Nxg3	Lxg3	40	Rd1	Qd6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
TU. Shi 9			Yusufbayev B.			996					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-8-21 Board 2

WHITE			BLACK			FED			RESULT (W)		
Thymur Y			Yusufbayev B.			MGL			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ne4	Qg6	41	Qd4	Qc6	61		
2	c4	e6	22	Qd3	Ne5	42	Qf4	Rf4	62		
3	Nc3	d5	23	Qd2	cd	43	Nf5	Nf5	63		
4	cd	ed	24	cd	Rd4	44	Qf5	Rf5	64		
5	Bg5	Be7	25	Nc3	Nd3	45	Rf5	Rf5	65		
6	e3	O-O	26	Rcd1	Rcd8	46	Qg4	Kh7	66		
7	Bd3	Nbd7	27	a3	a4	47	Kg1	Rg8	67		
8	Qc2	h6	28	a3	a4	48	Qg8	Kg8	68		
9	Bh4	b6	29	Kh1	Qf6	49	Re1	Rg3	69		
10	Nf3	Bb7	30	f3	Qg6	50	Kf2	Q	70		
11	O-O	Rc8	31	Rab1	Qg3	51			71		
12	h3	Ne4	32	Rf1	Qg5	52			72		
13	Be4	de	33	Ne4	Qg6	53			73		
14	Be7	Qe7	34	b3	Nf4	54			74		
15	Nd2	Bab	35	Qf2	f5	55			75		
16	Rte1	Bd1	36	Ng3	Rd2	56			76		
17	Qd1	Rf8	37	Qe1	Ngd	57			77		
18	Nd5	Qd6	38	Qe5	Nc3	58			78		
19	Nf4	c5	39	Rg1	Rcd	59			79		
20	Nd3	ed	40	Qc3	Rcd	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Thymur Y			Yusufbayev B.			SSM					

11:18

B8-R1-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026-8-22

Group

Round

1

Board

3

WHITE Meno Xiangyi						FED HKG		RESULT (W) * won 1			
BLACK Juganmabxian						FED MGL		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nb3	Bb6	41	ba6	ba6	61		
2	d4	d5	22	Bf3	Rd8	42	Bb7	Q4	62		
3	Kc3	de4	23	Re1	Kf8	43	Kd2	h5	63		
4	ne4	nd4	24	c4	Bd4	44	g5	Kd4	64		
5	nf3	nf6	25	nd4	Rd4	45	g4	KQ4	65		
6	nf6	nf6	26	b3	Rh2	46	Kc7	h4	66		
7	Bd3	c5	27	Bd1	Rd1	47	gh	f93	67		
8	dc5	RC5	28	Bd7	Ke7	48	Kb8	h5	68		
9	O-O	O-O	29	c5	Kec	49	Ka7	h6	69		
10	c3	e5	30	b4	Kd5	50	Kb8	h4	70		
11	ne5	Qd6	31	Bb3	Kd4	51	Ka7	Kc5	71		
12	nf3	Rd8	32	Bf7	Ke3	52	Kb8	Ka7	72		
13	Be2	Qd1	33	a3	Kb2	53	Qa8		73		
14	Rd1	Bg4	34	Q4	Q3	54			74		
15	Bf4	nh5	35	b5	Ka4	55			75		
16	Bg3	ng3	36	Be8	Ka5	56			76		
17	h3	Rd1	37	Ke2	Kb4	57			77		
18	Rd1	Re8	38	c6	Kd5	58			78		
19	Kf1	Q6	39	Bd4	Kb6	59			79		
20	nd4	BC8	40	BC8	a5	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Meno			SIGNATURE (BLACK) Juganmabxian			SIGNATURE (ARBITER) J2					

11:18

B8-R1-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
22/8/26

Group

B8

Round

1

Board

3

WHITE Meng, Xiangyi,						FED HKG		RESULT (W) 1			
BLACK Aldanjav Khbayr, Jambulsuren						FED MGL		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nb3	Bb6	41	Bxc8	a5	61		
2	d4	d5	22	Bf3	Rd8	42	Bb7	a4	62		
3	Nc3	de	23	Re1	Kf8	43	Kd2	h5	63		
4	Nxe4	Nd7	24	c4	Bd4	44	Ke3	g5	64		
5	Nf3	Ng6	25	Nxd4	Bxc4	45	Kb4	g9	65		
6	Nxf6	Nxf6	26	b3	Rd2	46	Kxa4	Ke7	66		
7	Bd3	c5	27	Rd1	Bd1+	47	Kb5	h4	67		
8	dc	Bxc5	28	Bxd1	Ke7	48	gh	g3	68		
9	O-O	O-O	29	c5	Ke6	49	fg	Kb8	69		
10	c3	e5	30	b4	Kd5	50	h5	Ka7	70		
11	Nxe5	Qd6	31	Bb3+	Kd4	51	h6	Kb6	71		
12	Nf3	Rd8	32	Bxf7	Ke3	52	K7	K7	72		
13	Be2	Qxd1	33	a3	Kb2	53	Kb5	Kb6	73		
14	Rxd1	Bg4	34	a4	Kb3	54	gh-Q4	Ka7	74		
15	Bf4	Nh5	35	b5	Kxa4	55	Qa8+		75		
16	Bg3	Nxg3	36	ba	ba	56			76		
17	hg	Rxd1	37	Bd4	Ke5	57			77		
18	Rxd1	Re8	38	Ke2	Kb4	58			78		
19	Kf1	a6	39	c6	Ke5	59			79		
20	Nd4	Bc8	40	Bd7	Kb6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Meng			SIGNATURE (BLACK) Aldanjav Khbayr			SIGNATURE (ARBITER) J2					

B8-R1-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B08

Round

1

Board

4

WHITE chee, Jin xian Brandon						FED SGP		RESULT (W)			
BLACK Cho, Jaeha						FED KOR		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb1	Ra6	41	hxg6	kg7	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rxe4	fxe4	42	g6	a3	62		
3	Bc4	Bc5	23	Nc5	Qc8	43	g5	a2	63		
4	c3	Nf6	24	Nxg6	Qxg6	44	Kf2	a1a	64		
5	d4	exd5	25	Qc1	Qd3	45	Ke2	Qa2+	65		
6	e5	d5	26	Kh1	Rxf4	46	Kf1	Qb1#	66		
7	Bb5	Ne4	27	kg1	Qxd4+	47			67		
8	Cxd4	Bb4+	28	Kh1	Rf2	48			68		
9	Bd2	O-O	29	Rxf2	Qxf2	49			69		
10	Bxc6	Bxd2+	30	h3	e3	50			70		
11	Nbxd2	bxc6	31	axc6	e2	51			71		
12	O-O	Rb8	32	Qxd5+	Kh7	52			72		
13	Rb1	Bf5	33	Kh1	Qf4+	53			73		
14	Nb3	Qd7	34	g3	a2+	54			74		
15	Rc1	Ra6	35	Qg2	Qg2+	55			75		
16	Nh4	Bg6	36	Kxg2	e1a	56			76		
17	f4	f5	37	e6	Qxg6	57			77		
18	Nxg6	hxg6	38	b3	Qxb3	58			78		
19	Rc1	Ra6	39	h4	a5	59			79		
20	Re1	Rxa2	40	h5	a4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Brandon			cho, Jaeha			y2					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

22/8/26

Group

B08

Round

1

Board

4

WHITE Brandon						FED SGP		RESULT (W) 0			
BLACK Brander Jeangu						FED KOR		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb1	Ra6	41	hxg6	kg8	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rxe4	fxe4	42	g4	a3	62		
3	Bc4	Bc5	23	Nc5	Qc8	43	g5	a2	63		
4	c3	Nf6	24	Nxg6	Qxg6	44	Rf2	a1=Q	64		
5	d4	exd4	25	Qc1	Qd3	45	Ke2	Qa2+	65		
6	d5e5	d5	26	Kh1	Rxf4	46	Ke1	Qb1#	66		
7	Bb5	Ne4	27	kg1	Qxd4+	47			67		
8	Cxd4	Bb4+	28	Kh1	Rf2	48			68		
9	Bd2	O-O	29	Rxf2	Qxf2	49			69		
10	Bxc6	Bxd2+	30	h3	e3	50			70		
11	Nxd2	bxc6	31	Qxc6	ez	51			71		
12	Q-a	Rb8	32	Qxd5+	kh7	52			72		
13	Rb1	Bf5	33	Kh2	Qf4+	53			73		
14	Nb3	Qd7	34	g3	Qm	54			74		
15	Rc1	Rb6	35	Qg2	Qxg2	55			75		
16	Nh4	Bg6	36	Kxg2	e1=Q	56			76		
17	f4	f5	37	e6	Qxg6	57			77		
18	Nxg6	hxg6	38	b3	Qxb3	58			78		
19	Rc2	Ra6	39	h4	a5	59			79		
20	Re1	Rxa2	40	h5	a4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Brandon			Jaeha			m					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.12

Group B8

Round 1

Board 5

WHITE xie jin yan												FED	RESULT (W)
BLACK chen xue cheng												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Bd8	Nd7	41	a5	c6	61	Ke1	Kg2		
2	d2	d5	22	Bg5	Nc5	42	Kd6	c7	62	Kc2	Kd3		
3	e2	de	23	b4	Nc6	43	Bc6	Kc4	63	c4	f1=Q		
4	de	ad1	24	Bg4	Bb6	44	Kc7	Nf2	64	Qd1	Qd3		
5	Bd1	e5	25	Nc2	c5	45	Kd5	Nc4	65	Kc1	Kb1		
6	Nf3	Bb6	26	Bd6	Bb7	46	Bd5	Kc3	66	Kd1	Qb2		
7	O-O	Nf6	27	Bc6	fe	47	Ke6	Nf2	67	Kd1	Qd1		
8	Nc3	Qd1	28	Bc5	Bc4	48	Kf5	Nc4	68				
9	Bd5	Nd7	29	Bc5	Bc4	49	Bc4	Nf2	69				
10	Nd6	Be2	30	c3	e5	50	f4	Q	70				
11	h6	Bh4	31	f3	Bd5	51	f4 f4	Qd1	71				
12	b5	Qd1	32	Kf2	Kf3	52	Nd1	Bh3	72				
13	Bc7	a3	33	Ke6	Kd3	53	Nf2	Bf1	73				
14	Bd1	h3	34	Kd7	Nc3	54	Nd1	Nf2	74				
15	g5	Bg3	35	Kc6	Nc2	55	Nf2	Nh1	75				
16	ab	Rd2	36	h5	Ke3	56	Bd3	Kg2	76				
17	Rb8	Rfd1	37	h4	Q5	57	Bc4	Kf2	77				
18	Bc8	Ne5	38	Bc4	gh	58	Bh1	Kf1	78				
19	Nc5	Re5	39	gh	Nd1	59	Kd1	Kc3	79				
20	Kd2	Rd8	40	Kd3	Nd3	60	Kf1	Kf3	80				
SIGNATURE (WHITE) xie jin yan				SIGNATURE (BLACK) chen xue cheng				SIGNATURE (ARBITER) yu					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.12

Group B8

Round 1

Board 05

WHITE xie jin yan												FED	RESULT (W)
BLACK chen xue cheng												FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Nd7	Bg3	41	Kd6	c7	61	Kc1	Kg2		
2	d3	d5	22	Nc5	d4	42	Bc6	Kc4	62	Kc2	f3		
3	Be2	de	23	Nc6	Bd6	43	Kc7	Nf2	63	t2	c4		
4	de	Qd1	24	Ke2	c5	44	Kd6	Nc4	64	Kf1=Q	Kc3		
5	Bd1	e5	25	Bb6	Bb7	45	Bd5	Re3	65	c4	Kd2		
6	Nf3	Bd6	26	Bc6	fe	46	Ke6	Nf2	66	Kd2	Kc1		
7	O-O	Nf6	27	Bc5	Bc4	47	Kd5	Bc4	67	Qc2	Kh1		
8	Nc3	O-O	28	c5	Re4	48	Ke2	Bf1	68	c3	Kc1		
9	Bg5	Nd7	29	c3	e5	49	f4	ef	69	Qd2	Kd1		
10	Be2	h6	30	f3	Bd5	50	Kf3	a4	70	Qd2			
11	Bh4	d5	31	h2	Kf7	51	Nd1	Bh3	71				
12	Re1	Nd1	32	Kb3	Kc6	52	Nf1	Bf1	72				
13	a3	Bd7	33	Kb3	Kd7	53	Kd1	h3	73				
14	h3	g5	34	Nc3	Ke6	54	Nf2	h2	74				
15	Bg3	a6	35	Kb3	h5	55	Nh1	Kd3	75				
16	Rd2	Rd8	36	Ke3	h4	56	Kg2	Re2	76				
17	Rd8	Bc8	37	Q3	Bc4	57	Kf2	Kh1	77				
18	Ne5	Nc5	38	h9	h4	58	Kh1	Ke4	78				
19	Kd6	Rd8	39	Nc1	Kd5	59	Kg1	Ke3	79				
20	Kd8	Bd8	40	Nd3	a5	60	Kf1	Kf3	80				
SIGNATURE (WHITE) xie jin yan				SIGNATURE (BLACK) chen xue cheng				SIGNATURE (ARBITER) yu					

B8-R1-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026
8.22

Group B8
Round 1

Board 6

WHITE Balthazar			FED			RESULT (W) 0		
BLACK Liu Yizhi			FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re2	Be5	41	Kf1e3	Bg2
2	Nf3	Nc6	22	Rxf1	Rf8	42		
3	d4	cd	23	b3	h6	43		
4	Nd4	Nf6	24	d4	g6	44		
5	Nc3	e5	25	Be3	Kg7	45		
6	Ndb5	d6	26	Kh1	Bd4	46		
7	Nd5	Nd5	27	Kg1	Kf1 Bd7	47		
8	ed	Nb8	28	Kh1	b5	48		
9	c4	Be7	29	Bd3	Rc3	49		
10	Be2	db	30	Bc2	Rd2	50		
11	Qd4	O-O	31	Bd1	Re2	51		
12	O-O	Nd7	32	Be2	Re3	52		
13	Be3	f5	33	Bd1	Bc3	53		
14	f4	ef	34	Kg1	Re1	54		
15	Nf4	Nb6	35	Re1	Be1	55		
16	Qd5	ab	36	Kf1	Bc3	56		
17	Qb6	Qb6	37	Bf3	b4	57		
18	Bd6	cd	38	h3	Bb5	58		
19	Bd7	Bd7	39	Kf2	Bd3	59		
20	Re1	Bf6	40	Bd1	Be4	60		
SIGNATURE (WHITE) Balthazar			SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi			SIGNATURE (ARBITER) yz		

B8-R1-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026

Group B8
Round 1

Board 6

WHITE Balthazar			FED			RESULT (W) 0		
BLACK Liu Yizhi			FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re2	Be5	41	Ke3	Bxg2
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	Rf8	42		
3	d4	xd4	23	b3	h6	43		
4	Nxd4	Nf6	24	a4	g6	44		
5	Nc3	e5	25	Be3	Kg7	45		
6	Nbd5	d6	26	Kh1	Bxa7	46		
7	Nd5	Nxd5	27	Kg1	Bd7	47		
8	xd5	Nb8	28	Kh1	b5	48		
9	c4	Be7	29	Bd3	Rc3	49		
10	Be2	a6	30	Bc2	Ra2	50		
11	Qa4	O-O	31	Bd1	Rxe2	51		
12	O-O	Nd7	32	Bxe2	Rxe3	52		
13	Be3	f5	33	Bd1	Bc3	53		
14	f4	xf4	34	Kg1	Re1	54		
15	Rxf4	Nb6	35	Rxe1	Bxe1	55		
16	Qa5	x-b5	36	Kf1	Bc3	56		
17	Qx b6	Qxb6	37	Bf3	b4	57		
18	Bxb6	Kc4	38	h3	Bb5	58		
19	Bxc4	Bd7	39	Kf2	Bd3	59		
20	Re1	Bf6	40	Bd1	Be4	60		
SIGNATURE (WHITE) Balthazar			SIGNATURE (BLACK) Liu Yizhi			SIGNATURE (ARBITER) yz		

U8-R1-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U8

Round 1

Board 7

WHITE Mori, Lihito						FED JPN		RESULT (W) 1			
BLACK Jiang Yanwen						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	g5	h4	41			61		
2	Nf3	Nf6	22	Qh5	h4	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qxg7	Ke7	43			63		
4	h3	Nf6	24	Qxg7	Ke7	44			64		
5	Bg5	h6	25	Rg7	h6	45			65		
6	h4	d6	26	Qf7		46			66		
7	h3	d6	27			47			67		
8	Nc3	Na5	28			48			68		
9	Bb3	Nxb3	29			49			69		
10	Qd3	O-O	30			50			70		
11	Na5	cb	31			51			71		
12	Nxf6	g4	32			52			72		
13	Nh2	Re8	33			53			73		
14	Rg4	Rg7	34			54			74		
15	Bxf6	Qxg7	35			55			75		
16	Nxf6	Kf6	36			56			76		
17	Qf3	h4	37			57			77		
18	g4	Kh3	38			58			78		
19	Qf3	Rg8	39			59			79		
20	h4	g4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Mori, Lihito						SIGNATURE (BLACK) Jiang Yanwen		SIGNATURE (ARBITER) 1/2			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

22nd August

Group U8

Round 1

Board 7

WHITE Mori, Lihito						FED JPN		RESULT (W) 1			
BLACK Jiang, Yanwen						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	g5	h4	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qh5	Ke7	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qxg7	Ke7	43			63		
4	d3	Nf6	24	Qxg7	Ke7	44			64		
5	Bg5	h6	25	Rg7	Ke7	45			65		
6	Bh4	d6	26	Qf7		46			66		
7	h3	ab	27			47			67		
8	Nc3	Na5	28			48			68		
9	Bb3	Nxb3	29			49			69		
10	Nxb3	O-O	30			50			70		
11	Na5	cb	31			51			71		
12	Nxf6	Qxg7	32			52			72		
13	Nh2	Re8	33			53			73		
14	Rg4	Ke7	34			54			74		
15	Bxf6	Qxg7	35			55			75		
16	Nxf6	Kf6	36			56			76		
17	Qf3	Ke7	37			57			77		
18	g4	Kh3	38			58			78		
19	Qxg7	Rg8	39			59			79		
20	Rg1	Rb8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Mori, Lihito						SIGNATURE (BLACK) Jiang Yanwen		SIGNATURE (ARBITER) 1/2			

B8-R1-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 822

Group B8

Round 1

Board 8

WHITE Lee Jia Le / ayden						FED SGP			RESULT (W) 1/2		
BLACK Liu Haoyang (GD)						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re1	Rh7	41			61		
2	Nf3	Ncb	22	Kd2	Bf4	42			62		
3	cd d4	cd	23	Ke2	Kc7	43			63		
4	Nd4	g6	24	Rc5	Kb6	44			64		
5	Nc3	Bg7	25	b4	as	45			65		
6	Be3	Nf6	26	Q3	Qb	46			66		
7	Qd2	N94	27	Qb	Bb5	47			67		
8	Re5	Nh4	28	Ke1	Rd3	48			68		
9	Nd5	Ncb	29	Kd2	Rd7	49			69		
10	Qf4	Nge5	30	Ke3	Rd1	50			70		
11	Bb5	h6	31	Rb5	Rb5	51			71		
12	Bc6	h9	32	Rc4	Rc4	52			72		
13	Rd7	Rd7	33	b5	Rd1	53			73		
14	Qd5	eb	34	Re1	Re1	54			74		
15	Qd8	Kd8	35	Rd1	Rd1	55			75		
16	Qd8	ed	36	Ke3	Rd3	56			76		
17	f4	de	37	Ke2	Rd2	57			77		
18	fe	Rd5	38	Kf1	Rd2	58			78		
19	Rhe1	Rd5	39			59			79		
20	Rd5	Bh2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Jia Le			Liu Haoyang			y2					

B8-R1-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B8

Round 1

Board 8

WHITE Jia Le / ayden						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Liy Haoyang (GP)						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re1	Rh7	41			61		
2	Nf3	Ncb	22	Kd2	Bf4	42			62		
3	d4	cd4	23	Ke2	Kc7	43			63		
4	Nxd4	g6	24	Rc5	Kb6	44			64		
5	Nc3	Bg7	25	b4	as	45			65		
6	Be3	Nf6	26	Q3	Qb	46			66		
7	Qd2	N94	27	Qb	Bb5	47			67		
8	Bg5	Nxd4	28	Ke1	Rd3	48			68		
9	Nd5	Ncb	29	Kd2	Rd7	49			69		
10	Qf4	Nge5	30	Ke3	Rd1	50			70		
11	Bb5	h6	31	Rb5	Rb5	51			71		
12	Bxc6	h9	32	Rc4	Rc4	52			72		
13	Bxd7	Rd7	33	b5	Rd1	53			73		
14	Qd5	eb	34	Re1	Re1	54			74		
15	Qd8	Kd8	35	Rd1	Rd1	55			75		
16	Qd8	ed	36	Ke3	Rd3	56			76		
17	f4	de	37	Ke2	Rd2	57			77		
18	fe	Rd5	38	Kf1	Rd2	58			78		
19	Rhe1	Rd5	39			59			79		
20	Rd5	Bh2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Jia Le			Liu Haoyang			y2					

B8-R1-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.22Group
U8Round
1Board
9

WHITE Yuxiaotong						FED CHN		RESULT (W)			
BLACK Mond Nur Al suti Mund Ayub						FED MAS		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc5	Nd8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	Qf6	42			62		
3	c3	Nf6	23	Nes Nf6	Re7	43			63		
4	h3	g6	24	Nf4	Qs7	44			64		
5	Bd3	Bg7	25	d6	Rd7	45			65		
6	Bc2	o-o	26	Nes	Rd6	46			66		
7	o-o	Nbd7 Nf6	27	Rd6	Ndb	47			67		
8	d4	cd	28	Qd6	Nf4	48			68		
9	cd	Qd5	29	Rd1	h5	49			69		
10	Nc3	Qe5	30	Qc5	Qe3	50			70		
11	d5	Nb6	31	Qc4	Ne6	51			71		
12	b3	Nh5	32	Bb2	a6	52			72		
13	Ba3	f5	33	Qc2	Nf4	53			73		
14	Nd2	Le	34	Nd7		54			74		
15	Ne4	Bf8	35			55			75		
16	Nb5	Bf5	36			56			76		
17	Nd6	Bc2	37			57			77		
18	Qc2	Qd6	38			58			78		
19	Nd6	Qe7	39			59			79		
20	Rd1	Rd7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Yuxiaotong			SIGNATURE (BLACK) Ayub			SIGNATURE (ARBITER) 1/2					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
22/8/26Group
U8Round
1Board
9

WHITE Yuxiaotong						FED CHN		RESULT (W)			
BLACK Muhammad Ayub						FED MAS		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc5	Nc8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	Qf6	42			62		
3	c3	Nf6	23	Nxe5	Re7	43			63		
4	h3	g6	24	Ng4	Qg7	44			64		
5	Bd3	Bg7	25	d6	Rd7	45			65		
6	Bc2	o-o	26	Ne5	Bxd6	46			66		
7	o-o	Nbd7	27	Rxd6	Nxb6	47			67		
8	d4	cx d4	28	Qxd6	Nf4	48			68		
9	cx d4	e5	29	Rd1	h5	49			69		
10	Nc3	Re8	30	Qc5	Re8	50			70		
11	d5	Nb6	31	Qc4	Ne6	51			71		
12	B3	Nh5	32	Bb2	a6	52			72		
13	Ba3	f5	33	Qc2	Nf4	53			73		
14	Nd2	fxc4	34	Nd7		54			74		
15	Nxe4	Bf8	35			55			75		
16	Nb5	Bf5	36			56			76		
17	Nexd6	Bxc2	37			57			77		
18	Qxc2	Bxd6	38			58			78		
19	Nxd6	Re7	39			59			79		
20	Rd1	Rd7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Yuxiaotong			SIGNATURE (BLACK) Ayub			SIGNATURE (ARBITER) 1/2					

B8-R1-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B08

Round

1

Board

10

WHITE Paredes, Orion Kit.			FED PHI			RESULT (W) 0		
BLACK zhongjunhao			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	g4	f4	41		
2	Nf3	Nc6	22	Bd2	e5	42		
3	Bf4	c5	23	Nd4	Bxh4	43		
4	e3	Qb6	24	Cxd4	e3	44		
5	Qc1	Nc6	25	fxe3	fxe3	45		
6	c3	Bg4	26	Bxp3	Rxe3	46		
7	Qe2	g6	27	Rce8	Rce8	47		
8	h3	Bf7	28	Rf1	Qf6	48		
9	Bxf7	Bg7	29	Rf1	Qh4	49		
10	O-O	O-O	30	Rc1	Re2	50		
11	Nd2	Cxd4	31	Rn2	Re2	51		
12	exd4	Rc8	32	Rf2	Rxf2	52		
13	Qc2	Nxd4	33	Qxf2	Qxf2	53		
14	Qd3	Nxf3	34	Rh2	Re2	54		
15	Nxf3	Nh5	35	Rg1	Ng3	55		
16	Bd2	Rd8	36	Bf4	Nf4	56		
17	Rb1	e5	37	Qg3	Qg3	57		
18	Bb6	Qc6	38	B5	Qh2	58		
19	Qe2	Re8	39			59		
20	Qd2	f5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>[Signature]</i>			SIGNATURE (BLACK) zhongjunhao			SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8.22

Group

B08

Round

1

Board

10

WHITE paredes, orion kit			FED PHI			RESULT (W) 0		
BLACK zhongjunhao			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd1	th	41		
2	Nf3	Nc6	22	Bd2	e4	42		
3	Bf4	c5	23	Nd4	Bd4	43		
4	e3	Qb6	24	Cd	e3	44		
5	Qc1	Nc6	25	te	te	45		
6	c3	Bg4	26	Be3	Re3	46		
7	Be2	g6	27	Qd2	Rce8	47		
8	h3	Bx7	28	Rte	Qtb	48		
9	Bt3	Bg7	29	Rf1	Qh4	49		
10	O-O	O-O	30	Rc1	Q93	50		
11	Nd2	Cb	31	*kh1	Re2	51		
12	exd4	Rc2	32	Rt2	Rf2	52		
13	Qc2	Nd4	33	Qt2	Qt2	53		
14	Qd3	Nt3t	34	kh2	Re2	54		
15	Nf3	Nh5	35	Rg1	N93	55		
16	Bd2	Rd8	36	b4	Nt4	56		
17	Rb1	e5	37	kh1	Q93	57		
18	Be3	Qcb	38	b5	Qh3t	58		
19	Qe2	Re8	39	g4	Rh2t	59		
20	Qd2	t5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>[Signature]</i>			SIGNATURE (BLACK) zhongjunhao			SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>		

B8-R1-10

10.246

B8-R1-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026/08/22

Group

B8

Round

1

Board

11

WHITE				FED				RESULT (W)			
Bilguunbayar Nyamsuren								out			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Qin Ziming								out			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd1	Nf8	41	h9	g9	61		
2	Nf3	g6	22	Rd2	Kd2	42	g4	h4	62		
3	g3	Bg7	23	Qd2	Qd6	43	Rf3	h8	63		
4	Bg2	d6	24	Qd6	Nd6	44	Ke3	Kd7	64		
5	O-O	O-O	25	Nd1	b6	45	Kd3	Kd7	65		
6	c4	Nbd7	26	Nd3	c5	46	Ke3	Ke8	66		
7	Nc3	e5	27	d4	d5	47	Kd2	Kd8	67		
8	de	de	28	Nd1	h8	48	Kd3	Kc7	68		
9	Bg5	h6	29	Nd1	f6	49	Kc3	Kc6	69		
10	Bf3	c6	30	Kf1	f8	50	Kf3	Kd6	70		
11	h3	Qc7	31	Nd1	h8	51	Ke3	Kd7	71		
12	Qd2	h7	32	Nd1	h5	52	Kd3	Kc6	72		
13	Rfd1	Res	33	h4	Kd7	53	Ke3	Kd7	73		
14	Qc2	Nb6	34	Nd5	Bd5	54	Bg2	Kc6	74		
15	Bb6	Qb6	35	Nd6	Nc8	55	Bh3	Kd7	75		
16	Qb3	Qc7	36	Bh3	Ne7	56	Bg2	Kc6	76		
17	Qc2	Bf5	37	Ne7	Be7	57	Bh3	Kd7	77		
18	e4	Bg6	38	Ke3	h7	58			78		
19	p3	Rd1	39	P4	P6	59			79		
20	Rd8	Rd8	40	f5	g5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Bilguunbayar				Qin Ziming				1/2			

10.246

B8-R1-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026/08/22

Group

B8

Round

1

Board

17

WHITE				FED				RESULT (W)			
Bilguunbayar Nyamsuren				MGA				12			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Qin Ziming				CHN				72			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd1	Nf8	41	Rd2	Rd2	61		
2	Nf3	g6	22	Rd2	Rd2	42	g4	h4	62		
3	g3	Bg7	23	Qd2	Qd6	43	Kp3	Bd6	63		
4	Bg2	d6	24	Qd6	Nd6	44	Ke3	Kd7	64		
5	O-O	O-O	25	Nd1	b6	45	Kd3	Kd7	65		
6	c4	Nbd7	26	Nd3	c5	46	Kp3	h8	66		
7	Nc3	e5	27	q4	q5	47	Kd2	Kd8	67		
8	de	de	28	Nd1	h8	48	Kd3	Kd7	68		
9	Bg5	h6	29	Nc2	Bd6	49	Kd2	Kd6	69		
10	Bf3	c6	30	Nc1	Nf8	50	Kd3	Kd6	70		
11	h3	Qc7	31	Kd2	Bd8	51	Kd3	Kd7	71		
12	Qd2	h7	32	Nd3	h5	52	Kd3	Kc6	72		
13	Rd1	Res	33	h4	Kd7	53	Kd3	Kd7	73		
14	Qc2	Nb6	34	Nd5	Bd5	54	Bd2	Kc6	74		
15	Bb6	Qb6	35	Nd5	Nc8	55	Bd3	Kd7	75		
16	Qb3	Qc7	36	Bd5	Nd7	56	Bg2	Kc6	76		
17	Qc2	Bf5	37	Nd7	Be7	57	Bd3	Kd7	77		
18	e4	Bg6	38	Kp3	Kd7	58			78		
19	p3	Rd1	39	f4	f6	59			79		
20	Rd8	Rd8	40	Rd1	Qd5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Bilguunbayar				Qin Ziming				1/2			

B8-R1-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8 April 2026

Group

B8

Round

1

Board

12

WHITE Sushixiu Sushixiu				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Lichongyun				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	P4	C5	21	Rd3	Rc1	41	UBC3	BAF2	61		
2	d4	cd	22	R	Bd4	42	13	Rb2	62		
3	C3	dc	23	Rc8	Kd9	43	KQ3	Q2	63		
4	NC3	Nb6	24	Rb8	R3	44	R3	Bd4	64		
5	Nf3	db	25	Rb7	Rc3	45	Rab	Rb3	65		
6	Bc4	Ra6	26	Rd7	AB5	46	1c9	Ra5	66		
7	O-O	Nb6	27	g3	Rc2	47	Ra1	Ba1	67		
8	Bf4	g6	28	Re3	Ra2	48	ff2	gh5	68		
9	e5	dP	29	Rb7	Bd4	49	Kh6	Kg1	69		
10	Qd8	Nf8	30	Kh1	Bf2	50	K4	K2	70		
11	Ne5	Bf7	31	Kd2	Be1	51	Ng4	KP	71		
12	Rad1	O-O	32	Kf3	Rf2	52	2	45	72		
13	h3	Be0	33	K3	Rg2	53	K2	h9	73		
14	13x00	Nx00	34	d4	Nc5	54	Kg2	Kh2	74		
15	Bg3	Rd8	35	Rd4	Nb3	55	2	BP6	75		
16	Nd3	Nd5	36	Rb7	a5	56	Kg1	h2	76		
17	Nx05		37	Rb2	Rd4	57	Kh1	Rh	77		
18	d5	Rfx	38	Nc5	h4	58	1c2	h1e2	78		
19	b3	Rd8	39	Rac4	h5	59	Rg2	Bd4	79		
20	Rd1	Rd3	40	Rb2	KQ2	60	KQ2	Qd1	80		
SIGNATURE (WHITE) Sushixiu				SIGNATURE (BLACK) Lichongyun				SIGNATURE (ARBITER) y2			

B8-R1-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8 April 2026

Group

B8

Round

1

Board

12

WHITE Sushixiu Sushixiu				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Lichongyun Lichongyun				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd1	Bd4	41	Bc3	a3	61		
2	d4	cd	22	Rd1	Kg1	42	1c2	Rb2	62		
3	C3	dc	23	Rb8	Rx43	43	Ke3	a2	63		
4	Nx03	Nc6	24	Rd7	Rh	44	Kt3	Bd4	64		
5	Nf3	db	25	Rd7	Bd5	45	Rd5	Rb4	65		
6	Bc4	ab	26	Bc4	ab	46	KQ2	A1=Q	66		
7	O-O	Nt6	27	Rx07	Rx02	47	Rxa1	Bxa1	67		
8	Bc4	g6	28	Rb7	g6	48	Kf2	gh	68		
9	e5	de	29	Kh1	Bx12	49	gh	Kh6	69		
10	Qd8	Nx0P	30	KQ2	Rd1	50	KQ2	Kxh5	70		
11	Nx05	Bg7	31	Kt3	Rd2	51	Kf2	Rd4	71		
12	Rad1	O-O	32	Kg3	Kg3	52	Kd2	h5	72		
13	h3	Be6	33	g4	Nc5	53	Kt2	h4	73		
14	Bx0e6	Nx0e6	34	Rd7	Nx63	54	Eg2	h3	74		
15	Bd3	Rd8	35	Rb7	a5	55	Kh2	Bc4	75		
16	Nd3	Nd5	36	Kt3	Rb2	56	Kg1	h2	76		
17	Nx05	Rd4	37	Rd7	Nc5	57	Kh1	Rb1	77		
18	b3	RdP	38	h4	a4	58	Kg2	A1=Q	78		
19	Rd1	Rx0h	39	h5	Rb3	59	Kt2	Bd4	79		
20	Rd3	Rk4	40	Kc2	Kt2	60	Ke2	Qd1	80		
SIGNATURE (WHITE) Sushixiu				SIGNATURE (BLACK) Lichongyun				SIGNATURE (ARBITER) y2			

B8-R1-13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

U8

Round

1

Board

13

WHITE Anderson Fok						FED HKG		RESULT (W) 1			
BLACK Tse, Hin Yi						FED HKG		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rxb3	Nxb3	41			61		
2	d4	d5	22	Qc3	Qb1	42			62		
3	e5	Bf5	23	Kd1	Nb7	43			63		
4	h4	h6	24	Nd2	Qxb3	44			64		
5	g4	Bd7	25	Kf1	Nd2	45			65		
6	Nc7	c6	26	Kb2	NxQ	46			66		
7	Be3	Qb6	27	Kf1	a5	47			67		
8	Qd3	Nf3	28	Bb5	Kd3	48			68		
9	Nf3	c4	29	Kb3	Kc7	49			69		
10	Qd2	Qb2	30	BxV	Kb	50			70		
11	Rb1	Qa3	31	Qf1	Rc8	51			71		
12	Nb5	BxN	32	Nb1	dc	52			72		
13	Rxb5	Nc6	33	Rc4	Kd5	53			73		
14	Qd1	Bb	34			54			74		
15	Bd2	c3	35			55			75		
16	Be3	b6	36			56			76		
17	Qb1	Qb2	37			57			77		
18	Qd1	Rb8	38			58			78		
19	Bc1	Qa2	39			59			79		
20	Qd3	ab	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Anderson AF			Tse Hin Yi			1/2					

B8-R1-13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B08

Round

1

Board

13

WHITE Fok, Chi San Anderson						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Tse, Hin Yi						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rxb4	Nxb4	41			61		
2	d4	d5	22	Qxc3	Qb1	42			62		
3	e5	Bf5	23	Kd1	Ne7	43			63		
4	h4	h6	24	Nd2	Qxc1+	44			64		
5	g4	Bd7	25	Kxc1	Na2+	45			65		
6	Nc3	e6	26	Kb2	Nxc3	46			66		
7	Be3	Qb6	27	Kxc3	a5	47			67		
8	Qd3	Bb5	28	Bb5+	Kd8	48			68		
9	Nf3	c4	29	Kb3	Kc7	49			69		
10	Qd2	Qxb2	30	Rc1	Nc6	50			70		
11	Rb1	Qa3	31	Rxc6	Kxc6	51			71		
12	Nb5	Bxb5	32	c4	Rh8	52			72		
13	Rxb5	Nc6	33	Nb1	dxcl	53			73		
14	Qd1	Bb4	34	Rxc4	Kd5	54			74		
15	Bd2	c3	35			55			75		
16	Be3	b6	36			56			76		
17	Qb1	Qb2	37			57			77		
18	Qd1	Rb8	38			58			78		
19	Bc1	Qxa2	39			59			79		
20	Qd3	ab	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Anderson			Tse Hin Yi			1/2					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B8

Round 1

Board 14

WHITE - Fsin Rui Sing Jonathan						FED 0		RESULT (W) 0			
BLACK NAN TAE						FED 1515		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	c4	bxc4	41			61		
2	Nf3	e6	22	bxc4	Rc8	42			62		
3	d4	cxd4	23	Rb1	d5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	h3	dxc4	44			64		
5	Nc3	Bb4	25	Rd1	c3	45			65		
6	Bd2	Bxc3	26	Rb7	Rxd2	46			66		
7	Bxc3	Nxe4	27	Rxc7	Rxc7	47			67		
8	Bb4	d6	28	Rxd2	h6	48			68		
9	Bb5	Nd7	29	Kh2	Rc2	49			69		
10	Bxd7	Qxd7	30	Rxc2	Rxc2	50			70		
11	b3	O-O	31	Kg3	Rxa1	51			71		
12	O-O	a5	32	Kf3	a4	52			72		
13	Bd2	Nxa2	33	Rb2	Rb8	53			73		
14	Qxd2	e5	34	a3	Kc2	54			74		
15	Ne2	b5	35	a2	Kd3	55			75		
16	Bb7	Nd5	36		Qa1	56			76		
17	Bxd5	Qxd5	37	Kc2	Rc8	57			77		
18		Rc8	38	Kd3	Qc3	58			78		
19	Rc1	Rc5	39	Ke4		59			79		
20	Qd2	Qc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Joh			NAN			VJ					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B8

Round 1

Board 14

WHITE						FED 0				RESULT (W) 0	
BLACK						FED 1515				RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	c4	bxc4	41			61		
2	Nf3	e6	22	bxc4	Rfc8	42			62		
3	d4	cxd4	23	Ra1	d5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	h3	dxc4	44			64		
5	Nc3	Bb4	25	Rb2	c3	45			65		
6	Bd2	Bxc3	26	Rb7	Cxd2	46			66		
7	Bxc3	Nxe4	27	Rxc7	Rxc7	47			67		
8	Bb4	d6	28	Rd2	h6	48			68		
9	MAA	MAA	29	Kh2	Rc2	49			69		
10	Bxd7	Qxd7	30	Rxc2	Rxc2	50			70		
11	b3	e6	31	Kg3	Rxa1	51			71		
12	Qd2	a5	32	Kf3	a4	52			72		
13	Bd2	Nxa2	33	Rb2	Rb8	53			73		
14	Qxd2	e5	34	a3	Kc2	54			74		
15	Ne2	b5	35	Kc3	a3	55			75		
16	Nc3	Bb7	36	Kc2	a2	56			76		
17	Na5	Bxd5	37	Kd3	a1=Q	57			77		
18	Qxd5	Ra1	38	Rc2	Rc8	58			78		
19	Rf9	Rc5	39	Kd3	Qc3	59			79		
20	Qd2	Qc7	40	Kc7	Qd4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Joh			Nanan			yz					